

Số: 396/2020/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 09 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 380/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 của người yêu cầu:

- Ông Mai Xuân T - Sinh năm: 1991

- Bà Lê Thị Thủy T1- Sinh năm: 1988.

Cùng địa chỉ: Tổ 48, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Thủy T1 và ông Mai Xuân T kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C., thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2013, quyển số 01/2013 đăng ký ngày 17/6/2013. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Tổ 48, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng nhất vào khoảng năm 2020 (thời gian xảy ra dịch Covid-19). Nguyên nhân mâu thuẫn là: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài không thể hàn gắn.

Tại phiên giải, ông T và bà T1 đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Mai Xuân T

và bà Lê Thị Thủy T1 là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông T và bà T1.

[2] *Về con chung*: Ông T và bà T1 xác định có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Mai Xuân Thiên P- Sinh ngày: 21/01/2014 cho bà Lê Thị Thủy T1 trực tiếp nuôi dưỡng và ông Mai Xuân T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.0000 đồng (Hai triệu đồng)/ 01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ 01 năm 2020 và vào ngày 10 hàng tháng. Xét thỏa thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn của ông T và bà T1 là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Mai Xuân T và bà Lê Thị Thủy T1 xác định vợ chồng không có.

[4] *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình*: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị Thủy T1 và ông Mai Xuân T mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà Lê Thị Thủy T1 và ông Mai Xuân T đã nộp theo biên lai thu số 0001499 ngày 10/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[5] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn lập ngày 01 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Mai Xuân T và Bà Lê Thị Thủy T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2013, quyển số 01/2013 đăng ký ngày 17/6/2013 tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng).

- *Về con chung*: Bà Lê Thị Thủy T1 và ông Mai Xuân T xác định có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Mai Xuân Thiên P- Sinh ngày: 21/01/2014 cho bà Lê Thị Thủy T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Mai Xuân T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2021 và vào ngày 10 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Lê Thị Thủy T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Mai Xuân T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì ông Mai Xuân T phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lê Thị Thủy T1 và ông Mai Xuân T xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị Thủy T1 và ông Mai Xuân T mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà Lê Thị Thủy T1 và ông Mai Xuân T đã nộp theo biên lai thu số 0001499 ngày 10/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Khuê Trung;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Tuyền